

**CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ THÔNG MINH NEXGEN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ THÔNG MINH NEXGEN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEXGEN SMART TECHNOLOGY SOLUTIONS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NEXGEN STS CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108799349

**3. Ngày thành lập:** 25/06/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô 13C8, Khu tập thể Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02432088888

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                       | 4690     |
| 2.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)<br>Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác | 4719     |
| 3.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                 | 4759     |
| 4.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4771     |
| 5.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;                      | 4772     |
| 6.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                 | 4791     |
| 7.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                               | 5510     |
| 8.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                        | 5610     |
| 9.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                | 5621     |
| 10. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể                                                       | 5629     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ                                                                                                                                                                        | 9633     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649 |
| 13. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6202 |
| 14. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6311 |
| 15. | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9620 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9632 |
| 17. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7310 |
| 18. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;<br>- Dịch vụ thương mại điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6399 |
| 19. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6190 |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4659 |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4752 |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.                                    | 7730 |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4663 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 24. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn<br>Chi tiết:<br>- Giám sát hoặc giám sát từ xa của hệ thống báo động an toàn điện tử, như báo trộm hoặc báo cháy, bao gồm cả việc bảo dưỡng;<br>- Lắp đặt, sửa chữa, làm lại và điều chỉnh thiết bị cơ khí hoặc điện tử, bộ phận khóa điện, kết an toàn.<br>Các đơn vị thực hiện hoạt động này cũng có thể tham gia vào việc bán thiết bị cơ khí hoặc điện tử, bộ phận khóa điện, kết an toàn.<br>- Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy<br>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy | 8020        |
| 25. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6201        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6209        |
| 27. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321        |
| 28. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4322        |
| 29. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4329        |
| 30. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330        |
| 31. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5820        |
| 32. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng thiết bị viễn thông như: Điện thoại cố định, điện thoại di động, máy fax, thiết bị viễn thông khác: sim, card điện thoại, nạp tiền điện thoại...                                                                                                                                                                   | 4741(Chính) |
| 33. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4651        |
| 34. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4652        |
| 35. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 9521        |
| 36. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9522        |
| 37. | Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9523        |
| 38. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9524        |
| 39. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9512        |
| 40. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 9511        |
| 41. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4742        |
| 42. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299        |

|     |                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 43. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa                           | 4610 |
| 44. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                     | 8230 |
| 45. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                     | 7729 |
| 46. | Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu                                             | 9529 |
| 47. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                | 4520 |
| 48. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                            | 4530 |
| 49. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                      | 4764 |
| 50. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                                    | 3211 |
| 51. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                                                                       | 0899 |
| 52. | Khai thác và thu gom than cứng                                                                                                | 0510 |
| 53. | Khai thác và thu gom than non                                                                                                 | 0520 |
| 54. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                               | 0810 |
| 55. | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                 | 0892 |
| 56. | Khai thác muối                                                                                                                | 0893 |
| 57. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                             | 4101 |
| 58. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                       | 4102 |
| 59. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới ô tô và xe có động cơ khác; | 4513 |
| 60. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                          | 4641 |
| 61. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                 | 7721 |
| 62. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                    | 4763 |
| 63. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                       | 5630 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

## **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: TRẦN HỒ VÂN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 24/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012538117

Ngày cấp: 27/02/2010

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 125, Ngõ 554 đường Trường Chinh, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 1902, R4A Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thời gian đăng từ ngày 25/06/2019 đến ngày 25/07/2019

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN HỒ VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012538117

Ngày cấp: 27/02/2010 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 125, Ngõ 554 đường Trường Chinh, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 1902, R4A Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội